

INTAKE FORM
Mẫu Đơn Về Lý Lịch

AUG 07 1985

NAME (TÊN) : HOANG VAN LE
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 10 28 1945
 (NĂM, NƠI SINH ĐẺ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
 SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐
 MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (Có lập gia đình) : ☒
 (Tình trạng gia đình)
 ADDRESS IN VIETNAM : 6/4 E Công Chúa Ngọc Hân phố Cho phường 13
 (Địa chỉ tại VN) : Quận 11 TP Hồ Chí Minh
 POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) : ☒ No (Không) : ☐
 : If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 6/25/1975 To (Đến) : 12/27/1981
 PLACE OF RE-EDUCATION : Xuân Lộc Long Khánh Việt Nam
 CAMP (TRẠI TÙ)
 PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Thợ Mộc
 EDUCATION IN U.S. : _____
 (DU HỌC TẠI MỸ)
 VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Trung úy
 VN GOVERNMENT : Position (Chức vụ) : Trưởng Ban 3 Hành ^{Quản} Date (Năm) 1968
 (Trong chính phủ VN)
 APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ☐ IV Number (số hồ sơ) : _____ No (Không) : ☐
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : _____
 NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2
 MAILING ADDRESS IN VN : _____
 (Địa chỉ liên lạc tại VN) 6/4 E Công Chúa Ngọc Hân phố Cho phường 13 Quận 11 Saigon VN
 NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : Huyền Thị Tâm Anh
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trò)
 U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ☐ No (Không) : ☐
 RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Vợ
 NAME AND SIGNATURE : Huyền Thị Tâm Anh
 ADDRESS OF INFORMANT : _____
 (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này)
 DATE : 2/2/85

PAGE 2

HOANG VAN LE

Husband

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): Huỳnh Thị Tâm Anh Wife
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
HOANG VAN LE	10/28/1945	Husband

ADDITIONAL INFORMATION:

Fr: Hạng 1 thi Bưu An



To: Hội Gia Đình Từ nhân chính Trị
P.O. Box 5435 Arlington
V.A. 22205 - 0635

INTAKE FORM
MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH

Trà trở lại
cars
số
ODP mẫu D
03-03-85

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : HOANG VAN LE
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10 - 28 - 1945
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE Female (Nữ):

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình):
(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : 6/4E CONG CHUA NGOC HAN F13-Q11
(Địa chỉ tại VN) : HOCHIMINH CITY - VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không): Yes (Có) No (Không):
: If yes (Nếu Có): From (Từ): 6-26-75 To (Đến): 12-26-81

PLACE OF RE-EDUCATION: XUYEN MOC REEDUCATION CAMP
CAMP (TRẠI TÙ) "Release camp on 1982"

PROFESSION (Nghề Nghiệp): MECHANIC

EDUCATION IN U.S. : No
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): 1st lieutenant

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Date (Năm):
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có) IV Number (số hồ sơ): Chưa có No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 3

MAILING ADDRESS IN VN: 6/4E CONG CHUA NGOC HAN F13-Q11
(Địa chỉ liên lạc tại VN) HOCHIMINH CITY, VIETNAM

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : HOANG NUOI -
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trợ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): Resident Alien No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): Blood Brother

NAME AND SIGNATURE : Hoang Nui Bus.
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chủ Ky, BT của người điền đơn này) Hane

DATE : 10 - 28 - 1984
Month (Thang) Day (ngày) Year (năm)

FORMER POW

Sponsor

HOÀNG VĂN LÊ

Hoàng Núi

Trung Ưý Bộ Binh, từ cải tạo

Đã được phóng thích Dec 81

Address: 6/4 E Công Chúa Ngọc Hân

Phú Thọ, Phường 13, Quận 11

HCM City, VN

Đã về camp

11 / 04 / 84



Ministry of Interior
Tuyen Moc Reeducation Camp
No. 1256/GPJ

Socialist Republic of Viet Nam
Independence - Freedom - Happiness

Release

Upon the decree 966-B(A/JJ) of the Ministry of Interior
in May 31, 1961.

Upon the decision number 131 of the Ministry of Interior
in Dec. 14, 1981.

This release paper is issued for :

Full name : Hoang-Van-Le
Date of birth : Oct. 28, 1945
Place of birth : Cho-Lon

Address before being sent to the reeducation camp :
160/14 Lien Hiep hamlet, Duc Trong, Lam Dong.

Hoang Van Le, Lieutenant course of training chief.

Arrest of the June 26, 1975 the decision No. 148 of the
Interior. His present address here. The expired date will
be 12 months from today.

Comment:

Idea : Showing nothing bad, accepting reeducation with
consentment. Labor : Good completion of the labor duty
with pleasure. Regulation : Obey the camp regulations
strictly. Re-education : Aware of the reeducation, made
progres self criticism is stile un-satisfactory.

Fingerprint index
right of Hoang Van Le
Registration No.
at.

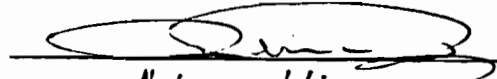
Name of the man : December 26, 1981
who is release
Signed Hoang-Van Le
Counselor
Vo Cam Lieutenant Colonel
(Sealed & Signed)

This release is issued for use accordingly.
I, Nguyen Ba Ai, attest to my competency to translate
from Vietnamese to English, and I certify that this is
a correct English translation of all pertinent infor-
mation from the Vietnamese original.

State of Virginia
County of Arlington

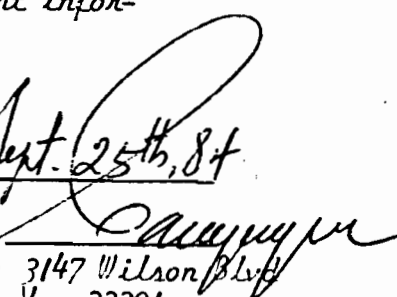
Subscribed and sworn to before me

This 25 day of Sept 1984


Notary public

My Commission expires 9-14-85

Date Sept. 25th, 84

Signature : 

Address : 3147 Wilson Blvd
Arlington, Va. 22201

INTAKE FORM
Mẫu Dón Về Lý Lịch

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : HOANG VAN LE
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 10 28 1945 CHOLON
 (NĂM, NƠI SINH ĐẺ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
 SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE Female (Nữ): ☒
 MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình):
 (Tình trạng gia đình):
 ADDRESS IN VIETNAM : 6/4E CONG CHUA NGOC HAN - PHUONG 13 - QUAN 11
 (Địa chỉ tại VN) : HOCHIMINH CITY -
 POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không): Yes (Có) No (Không):
 : If yes (Nếu Có): From (Từ): 6-26-75 To (Đến): 12-26-81
 PLACE OF RE-EDUCATION: XUYEN MOC REEDUCATION CAMP
 CAMP (TRẠI TÙ) RELEASED PAPER # 1256/GRT DATE. 12-26-1981
 PROFESSION (Nghề Nghiệp): MECHANICAL TECHNICIAN
 EDUCATION IN U.S. : NONE
 (DU HỌC TẠI MỸ)
 VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): 1st LIEUTENANT - DIA COURSE OF TRAINING CHIEF
 VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): ☒ Date (Năm):
 (Trong chính phủ VN)
 APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): NOT YET IV Number (số hồ sơ): NOT YET No (Không):
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 3
 MAILING ADDRESS IN VN: HOANG VAN LE 6/4E CONG CHUA
 (Địa chỉ liên lạc tại VN) NGOC HAN - F13 - Q11 - HOCHIMINH CITY
 NAME ADDRESS OF : HOANG NUOI
 SPONSOR/RELATIVE
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân :
 hay Người Bảo Trò)
 U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): IN PROGRESS No (Không): Permanent
RESIDENT
 RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): Blood Brother
 NAME AND SIGNATURE : HOANG NUOI
 ADDRESS OF INFORMANT
 (Tên, Địa chỉ, Chủ Ký, ĐT VA 22312 PHONE Bns #
 của người điền đơn này) Home #
 DATE : 9-24-84
 Month (Thang) Day (ngày) Year (năm)

ENCLOSURE. REEDUCATION CAMP RELEASE ORDER 1256/GRT XUYEN MOC date 12-26-81

Ministry of Interior
Tuyen Moc Reeducation Camp
No. 1256/GPJ

Socialist Republic of Viet Nam
Independence - Freedom - Happiness

Release

Upon the decree 966-BCA/JJ of the Ministry of Interior
in May 31, 1961.

Upon the decision number 131 of the Ministry of Interior
in Dec. 14, 1981.

This release paper is issued for :

Full name : Hoang-Van-Le
Date of birth : Oct. 28, 1945
Place of birth : Cho-Lon

Address before being sent to the reeducation camp :
160/14 Lien Hiep hamlet, Duc Trong, Lam Dong.

Hoang Van Le, Lieutenant-course of training chief.

Arrest of the June 26, 1975 the decision No. 148 of the
Interior. His present address here. The expired date will
be 12 months from today.

Comment:

Idea : Showing nothing bad, accepting reeducation with
consentment. Labor : Good completion of the labor duty
with pleasure. Regulation : Obey the camp regulations
strictly. Re-education : Aware of the reeducation, made
progresses self criticism is still unsatisfactory.

Fingerprint index
right of Hoang Van Le
Registration No.
at.

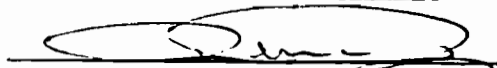
Name of the man : December 26, 1981
who is release
Signed Hoang-Van Le
Counselor
Vo Lam Lieutenant Colonel
(Sealed & Signed)

This release is issued for use accordingly.
I, Nguyen Ba Ai, attest to my competency to translate
from Vietnamese to English, and I certify that this is
a correct English translation of all pertinent infor-
mation from the Vietnamese original.

State of Virginia
County of Arlington

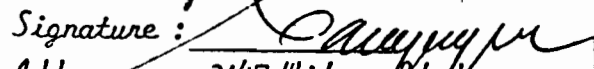
Subscribed and sworn to before me

This 25 day of Sept 1984


Notary public

My Commission expires 9-14-95

Date Sept. 25th, 84

Signature: 

Address : 3147 Wilson Blvd
Arlington, Va. 22201

BO NOI VU

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM

Trại CT Tuyên môt
Số : 1256/GHT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--

(1/7) TAY MA TRAI

Theo thông tư số 960-CA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
Thi hành quyết định tha số 131 ngày 14/12/1981 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên HOANG VAN LE
Sinh ngày 28/10/1945
Nơi sinh Chợ lớn
Nơi ĐENHTT trước khi bị bắt : 160/14 Thôn liên hiệp Đức trọng
lâm đồng .
Cán tội Trung úy - Trưởng ban 3 huấn luyện
ngày bị bắt 26/5/1975 - án phạt : T-CT
Theo quyết định số 148 ngày 22/8/1978 của Bộ nội vụ
May về cư trú tại trú quán trên - quản chế 12 tháng .

/)/HAN KET QUA TRINH CAI TAO

Đã xác định được tội lỗi trước kia , tỏ ra an tâm , tuân tuồng
vào cảnh mạng , học tập kết quả bình thường , lao động được
phân công ở độ nông nghiệp , có cố gắng chịu khó hoàn thành
công việc được giao , cố ý thúc xây dựng đội , bảo vệ hoa màu của
trại . Chấp hành nội quy tương đối , nghiêm
Đề nghị chính quyền địa phương giáo dục giúp đỡ

Lặn tay ngón trỏ phải
của : Hoàng văn Lê

Họ tên chủ ký
Người được cấp giấy

1/26 tháng 12 năm 1981
Giám thị

Danh bản số :

Lập tại



Hoàng Văn Lê



Trưởng tá : Võ Cẩm

Artune his copy 3

28/12/81

PHOTOGRAPHIC UNIT



uzage ldr

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: Le van Hoang

- Card
- ✓ Thờ, bỏ tục, cảm ơn
- Giấy ra trại
- Cấp bằng, huy chương
- Hồ sơ đầy đủ (Thờ đủ hồ sơ)
- ✓ Computer

- Các thứ khác :

- Mẫu D
- ODP list
- Labels
- Folder
- Hồ sơ cần xerox
- Hồ sơ đã chuyển ODP

Ngày